

BỘ ĐỀ ÔN LUYỆN

PHẦN LUYỆN TỪ VÀ CÂU LỚP 5

ĐỀ 1

Bài 1: Điền vào chỗ trống để hoàn thành các thành ngữ, tục ngữ sau:

1. Con..... cha là nhà có phúc.
2. Giỏ nhà ai,nhà nấy.
3. Cọp chết để da, người ta chết để
4. Góp.....thành bão.
5. Góp.....nên rừng.
6. Người ta làđất.
7. Gan.....dạ sắt.
8. Gan.....tướng quân.
9.như ruột ngựa.
10. Sông có, người có lúc.

Bài 2. Xếp các từ: "giang sơn, thương người, đất nước, nhi đồng, sơn hà, trẻ thơ, nhân ái, nước non, nhân đức, nhân đạo, con nít, nhân từ" vào các chủ điểm dưới đây:

1. Tổ quốc
2. Trẻ em
3. Nhân hậu

Bài 3. Chọn đáp án đúng cho các câu hỏi sau:

1. Các từ trong nhóm: “Ước mơ, ước muốn, mong ước, khát vọng” có quan hệ với nhau như thế nào?
A. Từ đồng âm
B. Từ nhiều nghĩa
C. Từ đồng nghĩa
D. Từ trái nghĩa
2. Trái nghĩa với từ “tươi” trong “Cá tươi” là ?
A. Uơn
B. Thiu
C. Non
D. Sống
3. Từ "cánh" trong câu thơ “Mùa xuân, những cánh én lại bay về” được dùng theo nghĩa gốc hay nghĩa chuyển?
A. Nghĩa gốc
B. Nghĩa chuyển
4. Chủ ngữ của câu: “Qua khe đậu, ló ra mấy quả ớt đỏ chói.” là gì?
A. Quả ớt đỏ chói
B. Mấy quả ớt đỏ chói
C. Khe đậu
D. Quả ớt
5. Trạng ngữ của câu: “*Khi dãy đèn bên đường bắt đầu thấp lên những quả đèn*”

tím nhạt, chuyển dần sang màu xanh lá cây và cuối cùng nở bung ra trong màu trắng soi rõ mặt người qua lại thì khoảnh khắc yên tĩnh của buổi chiều cũng chấm dứt.” là gì?

- A. Khi dãy đèn bên đường bắt đầu thấp lên những quả đèn tím nhạt.
- B. Buổi chiều
- C. Khi dãy đèn bên đường bắt đầu thấp lên những quả đèn tím nhạt, chuyển dần sang màu xanh lá cây.
- D. Khi dãy đèn bên đường bắt đầu thấp lên những quả đèn tím nhạt, chuyển dần sang màu xanh lá cây và cuối cùng nở bung ra trong màu trắng soi rõ mặt người qua lại.

6. Câu nào dưới đây là câu ghép?

- A. Bé treo nón, mặt tỉnh khô, bẻ một nhánh trâm bầu làm thước.
- B. Năm nay, mùa đông đến sớm, gió thổi từng cơn lạnh buốt.
- C. Người xưa đã ví bờ biển Cửa Tùng giống như một chiếc lược đòi mỗi cùi vào mái tóc bạch kim của sóng biển.
- D. Khi mùa xuân đến, muôn hoa đua nở, khoe sắc rực rỡ trong vườn.

7. Tác giả của bài thơ “Cửa sông” là?

- A. Quang Huy
- B. Định Hải
- C. Thanh Thảo
- D. Tố Hữu

8. Các vế câu ghép : « Vì thỏ chủ quan, kiêu ngạo nên thỏ đã thua rùa.» được nối với nhau bằng cách nào?

- A. Nói trực tiếp bằng dấu câu.
- B. Nói bằng cặp quan hệ từ.
- C. Nói bằng cặp từ hô ứng.
- D. Nói bằng quan hệ từ và cặp từ hô ứng.

9. Cặp quan hệ từ nối các vế câu ghép: “Không những hoa hồng hung đẹp mà nó còn rất thơm.” thể hiện quan hệ gì giữa các vế câu ghép?

- A. Nguyên nhân và kết quả
- B. Tương phản
- C. Tăng tiến
- D. Giả thiết và kết quả

10. Từ nào dưới đây là quan hệ từ?

- A. Từ "và" trong câu "Bé và cơm rất nhanh".
- B. Từ "hay" trong câu: "Cuốn truyện đó rất hay".
- C. Từ "như" trong câu: "Cô gái ấy có nụ cười tươi tắn như hoa mới nở."
- D. Từ "với" trong câu: Quyển sách để ở chỗ cao quá, chị ấy với không tới.

ĐỀ 2

Bài 1: Điền vào chỗ trống để hoàn thành các thành ngữ, tục ngữ sau:

1. Nam.....nữ tú
2. Trai tài gái.....
3. Cầu được ước
4. Ước củamùa
5. Đứng núi này.....núi nọ.
6. Non xanh nước
7. Kê vaicánh.
8. Muôn người như.....
9. Đồng cam.....khổ
10. Bốn biển một.....

Bài 2. Xếp các từ sau thành các cặp đồng nghĩa: *Dũng cảm, phi cơ, coi sóc, buổi sớm, phồn thịnh, giang sơn, gián đoạn, nơi, mĩ lệ, nhát gan, can đảm, hèn nhát, chăm nom, tươi đẹp, thịnh vượng, bình minh, chốn, đứt quãng, sơn hà, tàu bay.*

Bài 3. Điền từ vào chỗ trống để hoàn thành các câu dưới đây.

1. Từ “nặng” trong cụm từ “ôm nặng” và cụm “việc nặng” là các từnghĩa.
2. Câu ghép là câu do nhiềucâu ghép lại.
3. Hà Nội có Hồ Gươm
Nước xanh như pha mực
Bên hồ ngọn
- Viết thơ lên trời cao.
(Hà Nội – Trần Đăng Khoa)
4. Xét về mặt cấu tạo từ, các từ “lung linh, mong mỏi, phổ phùng, tin tưởng” đều là từ.....
5. Câu “Cửa sông chẳng đứt cội nguồn” thuộc kiểu câu: Ai.....?
6. Tác giả của bài thơ “Chú đi tuần” là nhà thơ
7. Nước lũ mà vã nên hồ
Tay không mà nổimới ngoan.
8.từ là những từ dùng để xưng hô hay để thay thế cho danh từ, động từ, tính từ (hoặc cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ) trong câu cho khỏi lặp lại các từ ngữ ấy.
9. Xét về mặt từ loại, từ “anh em” trong câu “Anh em như thể chân tay/ Rách lành đùm bọc, dở hay đỡ đần” làtừ.
10. Từ “đồng” trong cụm “trông đồng” và “đồng” trong cụm “đồng lúa” là hai từ đồng.....

4. Cấu tạo của tiếng “huyền” là?

- A. Âm đầu, âm chính, thanh.
- B. Âm đầu, âm đệm, âm chính, thanh điệu.
- C. Âm đầu, âm đệm, âm chính, âm cuối thanh điệu.
- D. Âm đầu, âm chính, âm cuối, thanh điệu.

5. Câu nào dưới đây có từ “bà” là đại từ?

- A. Bà của Lan năm nay 70 tuổi.
- B. Bà ơi, bà có khỏe không?
- C. Lâu lắm rồi tôi mới có dịp về quê thăm bà tôi.
- D. Tiếng bà tôi nói rất vui vẻ, dịu dàng và trầm bổng.

6. Có bao nhiêu danh từ trong đoạn thơ dưới đây?

“Thuyền ta chầm chậm vào Ba Bể

Núi dựng cheo leo, hồ lặng im”

(Hoàng Trung Thông)

- A. 2 danh từ
- B. 3 danh từ
- C. 4 danh từ
- D. 5 danh từ

7. Xét về mặt từ loại, nhóm từ: “quốc kì, quốc ca, quốc lộ, quốc gia“ có điểm gì chung?

- A. Đều là tính từ
- B. Đều là danh từ
- C. Đều là động từ
- D. Đều là đại từ

8. Trái nghĩa với từ “căng” trong “bụng căng” là ?

- A. Phệ
- B. Nhỏ
- C. Yếu
- D. Lép

9. Từ gạch chân trong câu thơ “Những vạt nương màu mật” được dùng theo nghĩa gốc hay nghĩa chuyển?

- A. Nghĩa gốc
- B. Nghĩa chuyển

10. Từ nào không thuộc nhóm trong những từ: “Chậm, thông thả, từ từ, muộn”?

- A. Chậm
- B. Thông thả
- C. Muộn
- D. Từ từ

ĐỀ 4

Bài 1. Điền các sự vật hoặc địa điểm vào các câu trong bài “Hà Nội” của nhà thơ Trần Đăng Khoa và vào các câu trong bài “Cao Bằng” của Trúc Thông.

1.có chong chóng/ Cứ tự quay trong nhà/ Không cần trời nổi gió/ Không cần bạn chạy xa. (Hà Nội – Trần Đăng Khoa)
2. Hà Nội có/ Nước xanh như pha mực. (Hà Nội – Trần Đăng Khoa)
3. Bên hồ ngọn/ Viết thơ lên trời cao. (Hà Nội – Trần Đăng Khoa)
4. Mấy năm giặc bắn phá/vẫn xanh cây. (Hà Nội – Trần Đăng Khoa)
5. Trăng vàng chùa.....(Hà Nội – Trần Đăng Khoa)
6. Phủhoa bay....(Hà Nội – Trần Đăng Khoa)
7. Sau khi qua Đèo Gió/ Ta lại vượt (Cao Bằng – Trúc Thông)
8. Lại vượt đèo/ Thì ta tới Cao Bằng. (Cao Bằng – Trúc Thông)
9., rõ thật cao/ Rồi dần dần bằng xuống. (Cao Bằng – Trúc Thông)
10. Còn núi non/ Đo làm sao cho hết/ Như tình yêu đất nước/ Sau sắc người Cao Bằng. (Cao Bằng – Trúc Thông)

Bài 2. Xếp các bài thơ và tác giả của các bài thơ đó thành từng nhóm.

Tác giả: Tô Hữu, Phạm Đình Ân, Võ Quảng, Quang Huy, Nguyễn Đình Ảnh, Nguyễn Đình Thi, Trần Ngọc, Trần Đăng Khoa, Trương Nam Hương, Đoàn Văn Cừ.

Bài thơ: “Mầm non”, “Hạt gạo làng ta”, “Chợ Tết”, “Trong lời mẹ hát”, “Việt Nam thân yêu”, “Sắc màu em yêu”, “Bầm ơi”, “Cửa sông”, “Chú đi tuần”, “Trước cổng trời”.

Bài 3. Chọn một đáp án đúng cho các câu hỏi dưới đây:

1. Tiếng nào dưới đây không ghép được với tiếng “công” để tạo thành từ có nghĩa?
 - A. bằng
 - B. dân
 - C. cộng
 - D. lai
2. Loại một từ có tiếng “hữu” không giống nghĩa với tiếng “hữu” ở các từ khác trong nhóm: “hữu nghị, hữu hiệu, hữu dụng, hữu ích”.
 - A. hữu nghị
 - B. hữu hiệu
 - C. hữu dụng
 - D. hữu ích.
3. Câu: “Dưới đáy rừng, bỗng rực lên những chùm thảo quả đỏ chon chót, như chứa lửa, chứa nắng.” được viết theo cấu trúc nào sau đây?
 - A. Chủ ngữ - trạng ngữ - vị ngữ
 - B. Chủ ngữ - vị ngữ - trạng ngữ
 - C. Trạng ngữ - vị ngữ - chủ ngữ
 - D. Trạng ngữ - chủ ngữ - vị ngữ

4. Câu: “ Trong đầm, những bông hoa sen tỏa hương thơm ngát.” thuộc kiểu câu Ai làm gì hay Ai thế nào hay Ai là gì?
- A. Kiểu câu Ai làm gì?
B. Kiểu câu Ai thế nào?
C. Kiểu câu Ai là gì?
5. Đoạn thơ: “Trăng ơi... từ đâu đến/ Hay biển xanh diệu kì?/ Trăng tròn như mắt cá/ Chẳng bao giờ chớp mi.” (Trần Đăng Khoa) sử dụng biện pháp nghệ thuật gì?
- A. Nhân hóa
B. So sánh
C. Điệp từ
D. Nhân hóa và so sánh
6. Tác giả của bài thơ “Trước cổng trời” là?
- A. Nguyễn Đình Ảnh
B. Trúc Thông
C. Đoàn Văn Cừ
D. Tố Hữu
7. Câu: “Đâu đó, từ sau khúc quanh vắng lặng của dòng sông, tiếng lanh canh của thuyền chài gỡ mẻ cá cuối cùng truyền đi trên mặt nước, khiến mặt sông nghe như rộng hơn.” có bao nhiêu vị ngữ?
- A. Một vị ngữ
B. Hai vị ngữ
C. Ba vị ngữ
D. Bốn vị ngữ
8. Đại từ “ấy” trong đoạn: “Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một. Sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lý ấy không bao giờ thay đổi.” thay thế cho phần nào dưới đây?
- A. Nước Việt Nam là một.
B. Dân tộc Việt Nam là một.
C. Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một.
D. Sông có thể cạn, núi có thể mòn.
9. Từ đồng nghĩa với từ “lành” trong câu: “Con gió lành từ biển thổi vào cho mọi người cảm thấy dễ chịu” là?
- A. Hiền lành
B. Lành lặn
C. Mát lành
D. Nguyên lành
10. Trong các từ đồng nghĩa sau, từ nào có sắc thái coi thường:
- A. Kiên cường
B. Ngoan cố
C. Ngoan cường

ĐỀ 5

Bài 1. Điền vào chỗ trống để hoàn thành các câu tục ngữ sau:

1. Cóthì nên.
2. Nước chảy đá
3.tha lâu có ngày đầy tổ.
4. Chânđá mềm.
5. Lửa thử vàng, gian nan thử
6. Một lần, một lần khôn.
7. Chớ thấy sóng cả màtay chèo.
8. Thua keo này, keo khác.
9. Thất bại là mẹ.....
10. Thắng không kiêu, bại không

Bài 2. Ghép các từ thuần Việt và Hán Việt cùng nghĩa vào thành một nhóm.

Hỏa, đẹp, bạn bè, lạc quan, tìm, cận, thi sĩ, lửa, gần, tâm, quan sát, có ích, bằng hữu, loài người, , nhìn, hữu ích, nhân loại, mỹ lệ, nhà thơ ,vui vẻ.

Bài 3. Chọn 1 đáp án đúng

1. Loại một từ có chứa tiếng “công” không cùng nghĩa với tiếng “công” trong các từ còn lại: “Công bằng, công minh, công cộng, công lí”.
 - A. Công bằng
 - B. Công minh
 - C. Công cộng
 - D. Công lí
2. Từ ghép tổng hợp trong đoạn thơ: “Hai cha con bước đi trên cát/ Ánh mặt trời rực rỡ biển xanh/ Bóng cha dài lênh khênh/ Bóng con tròn chắc nịch” là?
 - A. Cha con
 - B. Mặt trời
 - C. Chắc nịch
 - D. Rực rỡ
3. Xác định kiểu câu theo mục đích nói cho câu: “Con đi mua cho bố quyển sách.” nếu câu đó là lời của con nói với mẹ.
 - A. Câu cầu khiến
 - B. Câu cảm
 - C. Câu nghi vấn
 - D. Câu kể
4. Trong các từ dưới đây, từ nào có tiếng “quan” có nghĩa là “nhìn, xem”?
 - A. Quan lại
 - B. Quan tâm
 - C. Lạc quan
 - D. Quan chức
5. Cặp quan hệ từ nối các vế câu ghép: “Vì cặp mắt của bà đã mờ nên mỗi khi đọc sách báo, bà thường phải đeo kính.” thể hiện quan hệ gì?
 - A. Giả thiết, kết quả

B. Nguyên nhân, kết quả.

C. Tương phản

D. Tăng tiến

6. Các câu trong đoạn văn dưới đây được liên kết với nhau bằng cách nào?

“Làng mạc bị tàn phá nhưng mảnh đất quê hương vẫn đủ sức nuôi sống tôi như ngày xưa, nếu tôi có ngày trở về. Ở mảnh đất ấy, tháng giêng, tôi đi đốt bãi, đào ổ chuột; tháng tám nước lên, tôi đánh giậm, úp cá, đơm tép; tháng chín, tháng mười, đi móc con da dưới vệ sông. Ở mảnh đất ấy, những ngày chợ phiên, đi tôi lại mua cho vài cái bánh rọm; đêm nằm với chú, chú gác chân lên tôi mà lấy Kiều ngâm thơ; những tối liên hoan xã, nghe cái Tị hát chèo và đôi lúc lại được ngồi nói chuyện với Cún Con, nhắc lại những kỉ niệm đẹp đẽ thời thơ ấu.”

A. Dùng từ ngữ nối.

B. Thay thế từ ngữ.

C. Lập từ ngữ, thay thế từ ngữ, dùng từ nối.

D. Lập từ ngữ, thay thế từ ngữ.

7. Trong trường hợp nào, từ “mũi” mang nghĩa: bộ phận có đầu nhọn, nhô ra phía trước của vật?

A. Mũi tiến công

B. Mũi thuyền

C. Mũi quân

D. Mũi người

8. Từ “lòng” trong câu thơ “Lúa chín ngập lòng thung” được dùng theo nghĩa gốc hay nghĩa chuyển?

A. Nghĩa gốc

B. Nghĩa chuyển

9. Từ nào dưới đây có tiếng “hữu” không có nghĩa là bạn bè?

A. Chiến hữu

B. Hữu nghị

C. Bằng hữu

D. Hữu dụng

10. Các vế câu ghép : « Tôi chưa nói hết câu, nó đã ngắt lời. » được nối với nhau bằng cách nào?

A. Nói trực tiếp bằng dấu câu.

B. Nói bằng cặp quan hệ từ.

C. Nói bằng cặp từ hô ứng.

D. Nói bằng dấu câu và cặp từ hô ứng.

ĐÁP ÁN

ĐỀ 1

Bài 1: Điền vào chỗ trống để hoàn thành các thành ngữ, tục ngữ sau:

1. Con..... cha là nhà có phúc.

Đáp án: hơn

2. Giở nhà ai,nhà nấy.

Đáp án: quai

3. Cọp chết để da, người ta chết để

Đáp án: tiếng

4. Góp.....thành bão.

Đáp án: gió

5. Góp.....nên rừng.

Đáp án: gỗ

6. Người ta làđất.

Đáp án: hoa

7. Gan.....dạ sắt.

Đáp án: vàng

8. Gan.....tướng quân.

Đáp án: lì

9.như ruột ngựa.

Đáp án: thẳng

10. Sông có, người có lúc.

Đáp án: khúc

Bài 2. Xếp các từ: "giang sơn, thương người, đất nước, nhi đồng, sơn hà, trẻ thơ, nhân ái, nước non, nhân đức, nhân đạo, con nít, nhân từ" vào các chủ điểm dưới đây:

Tổ quốc: giang sơn, đất nước, sơn hà, nước non

Trẻ em: nhi đồng, trẻ thơ, con nít

Nhân hậu: nhân ái, nhân đức, nhân đạo, nhân từ

Bài 3. Chọn đáp án đúng cho các câu hỏi sau:

1. Các từ trong nhóm: “Ước mơ, ước muốn, mong ước, khát vọng” có quan hệ với nhau như thế nào?

- A. Từ đồng âm
- B. Từ nhiều nghĩa
- C. Từ đồng nghĩa
- D. Từ trái nghĩa

Đáp án: C

2. Trái nghĩa với từ “tươi” trong “Cá tươi” là ?

- A. Ươn
- B. Thiu
- C. Non
- D. Sống

Đáp án: A

3. Từ "cánh" trong câu thơ “Mùa xuân, những cánh én lại bay về” được dùng theo nghĩa gốc hay nghĩa chuyển?

- A. Nghĩa gốc
- B. Nghĩa chuyển

Đáp án: B

4. Chủ ngữ của câu: “Qua khe dậu, ló ra mấy quả ớt đỏ chói.” là gì?

- A. Quả ớt đỏ chói
- B. Mấy quả ớt đỏ chói
- C. Khe dậu
- D. Quả ớt

Đáp án: B

5. Trạng ngữ của câu: “*Khi dãy đèn bên đường bắt đầu thấp lên những quả đèn tím nhạt, chuyển dần sang màu xanh lá cây và cuối cùng nở bung ra trong màu trắng soi rõ mặt người qua lại thì khoảnh khắc yên tĩnh của buổi chiều cũng chấm dứt.*” là gì?

- A. Khi dãy đèn bên đường bắt đầu thấp lên những quả đèn tím nhạt.
- B. Buổi chiều
- C. Khi dãy đèn bên đường bắt đầu thấp lên những quả đèn tím nhạt, chuyển dần sang màu xanh lá cây.
- D. Khi dãy đèn bên đường bắt đầu thấp lên những quả đèn tím nhạt, chuyển dần sang màu xanh lá cây và cuối cùng nở bung ra trong màu trắng soi rõ mặt người qua lại.

Đáp án: D

6. Câu nào dưới đây là câu ghép?

- A. Bé treo nón, mặt tỉnh khô, bẻ một nhánh trâm bầu làm thước.

- B. Năm nay, mùa đông đến sớm, gió thổi từng cơn lạnh buốt.
- C. Người xưa đã ví bờ biển Cửa Tùng giống như một chiếc lược đòi mỗi cài vào mái tóc bạch kim của sóng biển.
- D. Khi mùa xuân đến, muôn hoa đua nở, khoe sắc rực rỡ trong vườn.

Đáp án: B

7. Tác giả của bài thơ “Cửa sông” là:

- A. Quang Huy
- B. Định Hải
- C. Thanh Thảo
- D. Tô Hữu

Đáp án: A

8. Các vế câu ghép : « Vì thỏ chủ quan, kiêu ngạo nên thỏ đã thua rùa.» được nối với nhau bằng cách nào?

- A. Nói trực tiếp bằng dấu câu.
- B. Nói bằng cặp quan hệ từ.
- C. Nói bằng cặp từ hô ứng.
- D. Nói bằng quan hệ từ và cặp từ hô ứng.

Đáp án: B

9. Cặp quan hệ từ nối các vế câu ghép: “Không những hoa hồng nhưng đẹp mà nó còn rất thơm.” thể hiện quan hệ gì giữa các vế câu ghép?

- A. Nguyên nhân và kết quả
- B. Tương phản
- C. Tăng tiến
- D. Giả thiết và kết quả

Đáp án: C

10. Từ nào dưới đây là quan hệ từ?

- A. Từ "và" trong câu "Bé và cơm rất nhanh".
- B. Từ "hay" trong câu: "Cuốn truyện đó rất hay".
- C. Từ "như" trong câu: "Cô gái ấy có nụ cười tươi tắn như hoa mới nở."
- D. Từ "với" trong câu: Quyển sách để ở chỗ cao quá, chị ấy với không tới.

Đáp án: C

ĐỀ 2

Bài 1: Điền vào chỗ trống để hoàn thành các thành ngữ, tục ngữ sau:

- 1. Nam.....nữ tú

- Đáp án: thanh
2. Trai tài gái.....
Đáp án: sắc
3. Cầu được ước
Đáp án: thấy
4. Ước củamùa
Đáp án: trái
5. Đứng núi này.....núi nọ.
Đáp án: trông
6. Non xanh nước
Đáp án: biếc
7. Kề vaicánh.
Đáp án: sát
8. Muôn người như.....
Đáp án: một
9. Đồng cam.....khổ
Đáp án: cộng
10. Bốn biển một.....
Đáp án: nhà

Bài 2. Xếp các từ sau thành các cặp đồng nghĩa: *Dũng cảm, phi cơ, coi sóc, buổi sớm, phồn thịnh, giang sơn, gián đoạn, nơi, mỹ lệ, nhát gan, can đảm, hèn nhát, chăm nom, tươi đẹp, thịnh vượng, bình minh, chốn, đứt quãng, sơn hà, tàu bay.*

Đáp án:

Dũng cảm-can đảm

Phi cơ – tàu bay

Coi sóc – chăm nom

Buổi sớm – bình minh

Giang sơn – sơn hà

Gián đoạn – đứt quãng

Nơi – chốn

Mỹ lệ - tươi đẹp

Nhát gan – hèn nhát

Bài 3. Điền từ vào chỗ trống để hoàn thành các câu dưới đây.

1. Từ “nặng” trong cụm từ “ôm nặng” và cụm “việc nặng” là các từnghĩa.

Đáp án: nhiều

2. Câu ghép là câu do nhiềucâu ghép lại.

Đáp án: về

3. Hà Nội có Hồ Gươm

Nước xanh như pha mực

Bên hồ ngọn

Viết thơ lên trời cao.

(Hà Nội – Trần Đăng Khoa)

Đáp án: Tháp Bút

4. Xét về mặt cấu tạo từ, các từ “lung linh, mong mỏi, phổ phưởng, tin tưởng” đều là từ.....

Đáp án: phức

5. Câu “Cửa sông chẳng dứt cội nguồn” thuộc kiểu câu: Ai.....?

Đáp án: thế nào

6. Tác giả của bài thơ “Chú đi tuần” là nhà thơ

Đáp án: Trần Ngọc

7. Nước lã mà vã nên hồ

Tay không mà nổimới ngoan.

Đáp án: cơ đồ

8.từ là những từ dùng để xưng hô hay để thay thế cho danh từ, động từ, tính từ (hoặc cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ) trong câu cho khỏi lặp lại các từ ngữ ấy.

Đáp án: Đại từ

9. Xét về mặt từ loại, từ “anh em” trong câu “Anh em như thể chân tay/ Rách lành đùm bọc, dở hay đỡ đần” làtừ.

Đáp án: danh

10. Từ “đồng” trong cụm “trống đồng” và “đồng” trong cụm “đồng lúa” là hai từ đồng.....

Đáp án: âm

ĐỀ 3:

Bài 1: Điền vào chỗ trống để hoàn thành các thành ngữ, tục ngữ sau:

1. Đồng hợp lực.

Đáp án: tâm

2. Đồng sức đồng

Đáp án: lòng

3. Một miếng khi bằng một gói khi no

Đáp án: đói

4. Đoàn kết là, chia rẽ là chết.

Đáp án: sống

5. Thật thà làquý quái.

Đáp án: cha

6. Câykhông sợ chết đứng.

Đáp án: ngay

7. Trẻ cây cha, già cây.....

Đáp án: con

8. Tre giàmọc

Đáp án: măng

9. Trẻ người.....dạ

Đáp án: non

10. Trẻ trồng na, già trồng

Đáp án: chuối

Bài 2. Điền vào chỗ trống để hoàn thành các câu dưới đây.

1.từ là những từ chỉ đặc điểm, tính chất của sự vật, hoạt động, trạng thái.

Đáp án: Tính từ

2. Đường vô xứquanh quanh/ Non xanh nước biếc như tranh họa đồ.

Đáp án: Nghệ

3. Từ “nhưng” trong câu “Bạn ấy học giỏi nhưng lười.” là

Đáp án: quan hệ từ

4. Từ “tư duy” trong câu: “Đây là bài tập phát triển tư duy.” làtừ.

Đáp án: danh

5. Bài thơ “Hành trình của bầy ong” của tác giả.....

Đáp án: Nguyễn Đức Mậu

6.là những từ có khả năng thay thế cho các từ, các cụm từ, cho người, vật hoặc sự việc nào đó được nhắc đến ở trước để tránh lặp từ, dài dòng.

Đáp án: Đại từ

7. Từ “vui” trong câu “Tôi rất vui” làtừ.

Đáp án: động

8. Cặp quan hệ từ “vì -” thể hiện quan hệ nguyên nhân – kết quả.

Đáp án: nên

9. Cặp quan hệ từ “tuy – nhưng” thể hiện quan hệ

Đáp án: tương phản

10. Từ “bay” trong câu: “Giôn – xon/ Tội ác bay chồng chất/Nhân danh ai/ Bay mang B52/ Những na pan hơi độc/ Đến Việt Nam.” làtừ.

Đáp án: đại từ

Bài 3. Chọn một đáp án đúng cho các câu hỏi dưới đây:

1. Câu thơ: “Bầy chim đi ăn vè/vào ô cửa chưa sơn vài nốt nhạc” (Đồng Xuân Lan). Từ nào dưới đây được tác giả sử dụng ở chỗ trống trong câu thơ?

A. Trút

- B. Đổ
- C. Thả
- D. Rót

Đáp án: D

2. Từ “tựa” trong câu thơ: “Ngôi nhà tựa vào nền trời sẫm biếc/ Thở ra mùi vôi vữa nồng hăng” là từ loại nào dưới đây?

- A. Quan hệ từ
- B. Động từ
- C. Tính từ
- D. Danh từ

Đáp án: B

3. Bài thơ nào dưới đây không phải của Định Hải?

- A. Bài ca về trái đất
- B. Cửa sông
- C. Gọi bạn
- D. Nếu chúng mình có phép lạ

Đáp án: B

4. Cấu tạo của tiếng “huyền” là?

- A. Âm đầu, âm chính, thanh.
- B. Âm đầu, âm đệm, âm chính, thanh điệu.
- C. Âm đầu, âm đệm, âm chính, âm cuối, thanh điệu.
- D. Âm đầu, âm chính, âm cuối, thanh điệu.

Đáp án: C

5. Câu nào dưới đây có từ “bà” là đại từ?

- A. Bà của Lan năm nay 70 tuổi.
- B. Bà ơi, bà có khỏe không?
- C. Lâu lắm rồi tôi mới có dịp về quê thăm bà tôi.
- D. Tiếng bà tôi nói rất vui vẻ, dịu dàng và trầm bổng.

Đáp án: B

6. Có bao nhiêu danh từ trong đoạn thơ dưới đây?

“Thuyền ta chầm chậm vào Ba Bể
Núi dựng cheo leo, hồ lặng im”

(Hoàng Trung Thông)

- A. 2 danh từ
- B. 3 danh từ
- C. 4 danh từ
- D. 5 danh từ

Đáp án: C

7. Xét về mặt từ loại, nhóm từ: “quốc kì, quốc ca, quốc lộ, quốc gia” có điểm gì chung?

- A. Đều là tính từ
- B. Đều là danh từ
- C. Đều là động từ
- D. Đều là đại từ

Đáp án: B

8. Trái nghĩa với từ “căng” trong “bụng căng” là ?

- A. Phệ
- B. Nhỏ
- C. Yếu
- D. Lép

Đáp án: D

9. Từ gạch chân trong câu thơ “Những vật nướng màu mặt” được dùng theo nghĩa gốc hay nghĩa chuyển?

- A. Nghĩa gốc
- B. Nghĩa chuyển

Đáp án: B (Nghĩa chuyển)

10. Từ nào không thuộc nhóm trong những từ: “Chậm, thông thả, từ từ, muộn”?

- A. Chậm
- B. Thông thả
- C. Muộn
- D. Từ từ

Đáp án: C

ĐỀ 4:

Bài 1. Điền các sự vật hoặc địa điểm vào các câu trong bài “Hà Nội” của nhà thơ Trần Đăng Khoa và vào các câu trong bài “Cao Bằng” của Trúc Thông.

1có chong chóng/ Cứ tự quay trong nhà/ Không cần trời nổi gió/ Không cần bạn chạy xa. (Hà Nội – Trần Đăng Khoa)

Đáp án: Hà Nội

2. Hà Nội có/ Nước xanh như pha mực. (Hà Nội – Trần Đăng Khoa)

Đáp án: Hồ Gươm

3. Bên hồ ngọn/ Viết thơ lên trời cao. (Hà Nội – Trần Đăng Khoa)

Đáp án: Tháp Bút

4. Mấy năm giặc bắn phá/vẫn xanh cây. (Hà Nội – Trần Đăng Khoa)

Đáp án: Ba Đình

5. Trăng vàng chùa.....(Hà Nội – Trần Đăng Khoa)

Đáp án: Một Cột

6. Phủhoa bay....(Hà Nội – Trần Đăng Khoa)

Đáp án: Tây Hồ

7. Sau khi qua Đèo Gió/ Ta lại vượt (Cao Bằng – Trúc Thông)

Đáp án: Giàng

8. Lại vượt đèo/ Thì ta tới Cao Bằng. (Cao Bằng – Trúc Thông)

Đáp án: Cao Bắc

9., rõ thật cao/ Rồi dần dần bằng xuống. (Cao Bằng – Trúc Thông)

Đáp án: Cao Bằng

10. Còn núi non/ Đo làm sao cho hết/ Như tình yêu đất nước/ Sau sắc người Cao Bằng. (Cao Bằng – Trúc Thông)

Đáp án: Cao Bằng

Bài 2. Xếp các bài thơ và tác giả của các bài thơ đó thành từng nhóm.

Tác giả: Tô Hữu, Phạm Đình Ân, Võ Quảng, Quang Huy, Nguyễn Đình Ảnh, Nguyễn Đình Thi, Trần Ngọc, Trần Đăng Khoa, Trương Nam Hương, Đoàn Văn Cừ, Trần Đăng Khoa.

Bài thơ: “Mầm non”, “Hạt gạo làng ta”, “Chợ Tết”, “Trong lời mẹ hát”, “Việt Nam thân yêu”, “Sắc màu em yêu”, “Bầm ơi”, “Cửa sông”, “Chú đi tuần”, “Trước công trời”.

Tô Hữu- Bầm ơi

Phạm Đình Ân- Sắc màu em yêu

Võ Quảng- Mầm non

Quang Huy- Cửa sông

Nguyễn Đình Ảnh- Trước công trời.

Nguyễn Đình Thi- Việt Nam thân yêu

Trần Ngọc- Chú đi tuần

Trương Nam Hương- Trong lời mẹ hát

Đoàn Văn Cừ- Chợ tết.

Trần Đăng Khoa- Hạt gạo làng ta.

Bài 3. Chọn một đáp án đúng cho các câu hỏi dưới đây:

1. Tiếng nào dưới đây không ghép được với tiếng “công” để tạo thành từ có nghĩa?

A. bằng

B. dân

C. cộng

D. lai

Đáp án: D

2. Loại một từ có tiếng “hữu” không giống nghĩa với tiếng “hữu” ở các từ khác trong nhóm: “hữu nghị, hữu hiệu, hữu dụng, hữu ích”.

A. hữu nghị

- B. hữu hiệu
- C. hữu dụng
- D. hữu ích.

Đáp án: A

3. Câu: “Dưới đáy rừng, bỗng rực lên những chùm thảo quả đỏ chon chót, như chứa lửa, chứa nắng.” được viết theo cấu trúc nào sau đây?

- A. Chủ ngữ - trạng ngữ - vị ngữ
- B. Chủ ngữ - vị ngữ - trạng ngữ
- C. Trạng ngữ - vị ngữ - chủ ngữ
- D. Trạng ngữ - chủ ngữ - vị ngữ

Đáp án: C

4. Câu: “ Trong đầm, những bông hoa sen tỏa hương thơm ngát.” thuộc kiểu câu Ai làm gì hay Ai thế nào hay Ai là gì?

- A. Kiểu câu Ai làm gì?
- B. Kiểu câu Ai thế nào?
- C. Kiểu câu Ai là gì?

Đáp án: B

5. Đoạn thơ: “Trăng ơi... từ đâu đến/ Hay biển xanh diệu kì?/ Trăng tròn như mắt cá/ Chẳng bao giờ chớp mi.” (Trần Đăng Khoa) sử dụng biện pháp nghệ thuật gì?

- A. Nhân hóa
- B. So sánh
- C. Điệp từ
- D. Nhân hóa và so sánh

Đáp án: D

6. Tác giả của bài thơ “Trước cổng trời” là?

- A. Nguyễn Đình Ảnh
- B. Trúc Thông
- C. Đoàn Văn Cừ
- D. Tố Hữu

Đáp án: A

7. Câu: “Đâu đó, từ sau khúc quanh vắng lặng của dòng sông, tiếng lanh canh của thuyền chài gỡ mẻ cá cuối cùng truyền đi trên mặt nước, khiến mặt sông nghe như rộng hơn.” có bao nhiêu vị ngữ?

- A. Một vị ngữ
- B. Hai vị ngữ
- C. Ba vị ngữ
- D. Bốn vị ngữ

Đáp án: B

8. Đại từ “ấy” trong đoạn: “Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một. Sông có thể cạn núi có thể mòn, song chân lý ấy không bao giờ thay đổi.” thay thế cho phần nào dưới đây?

- A. Nước Việt Nam là một.
- B. Dân tộc Việt Nam là một.
- C. Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một.
- D. Sông có thể cạn, núi có thể mòn.

Đáp án: C

9. Từ đồng nghĩa với từ “lành” trong câu: “Cơn gió lành từ biển thổi vào cho mọi người cảm thấy dễ chịu” là?

- A. Hiền lành
- B. Lành lặn
- C. Mát lành
- D. Nguyên lành

Đáp án: C

10. Trong các từ đồng nghĩa sau, từ nào có sắc thái coi thường:

- A. Kiên cường
- B. Ngoan cố
- C. Ngoan cường

Đáp án: B

ĐỀ 5

Bài 1. Điền vào chỗ trống để hoàn thành các câu tục ngữ sau:

1. Cóthì nên.

Đáp án: chí

2. Nước chảy đá

Đáp án: mòn

3.tha lâu có ngày đầy tổ.

Đáp án: kiến

4. Chânđá mềm.

Đáp án: cứng

5. Lửa thử vàng, gian nan thử

Đáp án: sức

6. Một lần, một lần khôn.

Đáp án: ngã

7. Chớ thấy sóng cả màtay chèo.

Đáp án: rã

8. Thua keo này, keo khác.

Đáp án: bày

9. Thất bại là mẹ.....

Đáp án: thành công

10. Thẳng không kiêu, bại không

Đáp án: nản

Bài 2. Ghép các từ thuần Việt và Hán Việt cùng nghĩa vào thành một nhóm.

Hỏa, đẹp, bạn bè, lạc quan, tim, cận, thi sĩ, lửa, gần, tâm, quan sát, có ích, bằng hữu, loài người, nhìn, hữu ích, nhân loại, mỹ lệ, nhà thơ, vui vẻ.

TỪ HÁN VIỆT	TỪ THUẦN VIỆT
Hỏa	Lửa
Lạc quan	Vui vẻ
Cận	Gần
Thi sĩ	Nhà thơ
Tâm	Tim
Quan sát	Nhìn
Hữu ích	Có ích
Bằng hữu	Bạn bè
Nhân loại	Loài người
Mỹ lệ	Đẹp

Bài 3. Chọn 1 đáp án đúng

1. Loại một từ có chứa tiếng “công” không cùng nghĩa với tiếng “công” trong các từ còn lại: “Công bằng, công minh, công cộng, công lí”.

- A. Công bằng
- B. Công minh
- C. Công cộng
- D. Công lí

Đáp án: C

2. Từ ghép tổng hợp trong đoạn thơ: “Hai cha con bước đi trên cát/ Ánh mặt trời rục rờ biển xanh/ Bóng cha dài lênh khênh/ Bóng con tròn chắc nịch” là?

- A. Cha con
- B. Mặt trời
- C. Chắc nịch
- D. Rục rờ

Đáp án: A

3. Xác định kiểu câu theo mục đích nói cho câu: “Con đi mua cho bố quyển sách.” nếu câu đó là lời của con nói với mẹ.

- A. Câu cầu khiến
- B. Câu cảm
- C. Câu nghi vấn
- D. Câu kể

Đáp án: D

4. Trong các từ dưới đây, từ nào có tiếng “quan” nghĩa là “nhìn, xem”?

- A. Quan lại
- B. Quan tâm
- C. Lạc quan
- D. Quan chức

Đáp án: C

5. Cặp quan hệ từ nối các vế câu ghép: “Vì cặp mắt của bà đã mờ nên mỗi khi đọc sách báo, bà thường phải đeo kính.” thể hiện quan hệ gì?

- A. Giả thiết, kết quả
- B. Nguyên nhân, kết quả.
- C. Tương phản
- D. Tăng tiến

Đáp án: B

6. Các câu trong đoạn văn dưới đây được liên kết với nhau bằng cách nào?

“Làng mạc bị tàn phá nhưng mảnh đất quê hương vẫn đủ sức nuôi sống tôi như ngày xưa, nếu tôi có ngày trở về. Ở mảnh đất ấy, tháng giêng, tôi đi đốt bãi, đào ổ chuột; tháng tám nước lên, tôi đánh giậm, úp cá, đơm tép; tháng chín, tháng mười, đi móc con da dưới vệ sông. Ở mảnh đất ấy, những ngày chợ phiên, đi tôi lại mua cho vài cái bánh rọm; đêm nằm với chú, chú gác chân lên tôi mà lầy Kiều ngâm thơ; những tối liên hoan xã, nghe cái Tị hát chèo và đôi lúc lại được ngồi nói chuyện với Cún Con, nhắc lại những kỉ niệm đẹp đẽ thời thơ ấu.”

- A. Dùng từ ngữ nối.
- B. Thay thế từ ngữ.
- C. Lặp từ ngữ, thay thế từ ngữ, dùng từ nối.
- D. Lặp từ ngữ, thay thế từ ngữ.

Đáp án: D

7. Trong trường hợp nào, từ “mũi” mang nghĩa: bộ phận có đầu nhọn, nhô ra phía trước của vật?

- A. Mũi tiến công
- B. Mũi thuyền
- C. Mũi quân
- D. Mũi người

Đáp án: B

8. Từ “lòng” trong câu thơ “Lúa chín ngập lòng thung” được dùng theo nghĩa gốc hay nghĩa chuyển?

- A. Nghĩa gốc
- B. Nghĩa chuyển

Đáp án: B

9. Từ nào dưới đây có tiếng “hữu” không có nghĩa là “bạn bè”?

- A. Chiến hữu
- B. Hữu nghị
- C. Bằng hữu
- D. Hữu dụng

Đáp án: D

10. Các vế câu ghép : “Tôi chưa nói hết câu, nó đã ngắt lời.” được nối với nhau bằng cách nào?

- A. Nối trực tiếp bằng dấu câu.
- B. Nối bằng cặp quan hệ từ.
- C. Nối bằng cặp từ hô ứng.
- D. Nối bằng dấu câu và cặp từ hô ứng.

Đáp án: D